TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - GIA LAI** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 230/2025/DS-ST Ngày 23-12-2025 V/v tranh chấp hụi.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Siêng
2. Bà Phạm Hoàng Diễm My

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Tuyết Mai – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Hồ Chí Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 68/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 10 năm 2025 về việc Tranh chấp hụi theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị N, sinh ngày 12/8/1970; Căn cước công dân số 052170007056; quê quán: Phường H, tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh ngày 02/7/1983, địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1978, địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Trương Thị Ú, sinh năm 1979, địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị C, địa chỉ: Khu phố I, phường T, tỉnh Gia Lai. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà La Thị T, sinh năm 1958, địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1974, địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Phạm Thị H, sinh năm 1971, địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Trần Thị Thu H1, sinh năm 1972, địa chỉ: Khu phố C, phường H, tỉnh Gia Lai. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Bích H2, sinh năm 1972, địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Ngô Thị L, sinh năm 1969, địa chỉ: Khu phố T, phường H, tỉnh Gia Lai. (Đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà N trình bày: Dây hụi do bà N làm chủ lập ngày 15/5/2025 âm lịch, mỗi chân hụi 6.000.000 đồng/tháng, gồm có 15 người chơi là bà N, bà B, bà Ú chơi hai chân, bà C chơi hai chân, bà T, bà T1 chơi hai chân, bà H, bà H1 chơi hai chân, bà H2, bà L và bà S. Bà S tham gia và góp đầu thảo 6.000.000 đồng vào ngày 15/5/2025 âm lịch. Đến ngày 15/6/2025 âm lịch, bà S đóng chân hụi tháng thứ hai và là người hốt hụi đầu tiên. Khi hốt hụi, có bà N, bà S, bà B, bà Ú, bà C, bà T, bà S bốc thăm trúng với số tiền lãi cao nhất nên được hốt hụi. Sau đó 05 ngày, bà N đưa cho bà S số tiền 90.000.000 đồng, trừ tiền lãi còn 84.000.000 đồng. Bà S thỏa thuận hàng ngày trả 200.000 đồng tương đương đóng một chân hụi 6.000.000 đồng/tháng. Bà S đã trả đủ như thỏa thuận đến ngày 15/7/2025 âm lịch là được 02 tháng (gồm tháng 6 âm lịch nhuần và tháng 7 âm lịch). Đến ngày 16/7/2025 âm lịch, bà N nghe tin là bà S bỏ đi và không còn trả tiền hụi nữa. Nay bà N yêu cầu bà S trả cho bà số tiền hụi còn nợ là 66.000.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà S không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu của bà N, không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập, thông báo và giấy báo của Tòa án.

- Theo Biên bản lấy lời khai của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà B, bà Ú, bà C, bà T, bà T1, bà H, bà H1, bà H2, bà L trình bày: Bà B, bà Ú, bà C, bà T, bà T1, bà H, bà H1, bà H2, bà L có tham gia chơi hụi chung với bà N, bà S và biết việc bốc thăm khi hốt hụi, bà S đấu cao nhất nên được hốt hụi. Việc bà N giao tiền cho bà S thì các bà không chứng kiến. Bà B, bà Ú, bà C, bà T, bà T1, bà H, bà H1, bà H2, bà L không có ý kiến gì về việc bà S không tiếp tục đóng hụi cho bà N, bà N vẫn chung hụi bình thường. Bà B, bà Ú, bà C, bà T, bà T1, bà H, bà H1, bà H2, bà L không có yêu cầu gì.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Gia Lai: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo qui định. Vụ án đúng thời

hạn chuẩn bị xét xử theo qui định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà S trả cho bà N số tiền 66.000.000 đồng

+ Về án phí: Bà S phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền hụi nên theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật được xác định là Tranh chấp hụi. Bị đơn cư trú tại phường H, tỉnh Gia Lai nên theo Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2025, Tòa án nhân dân khu vực 6 - Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] Trong thời gian giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo, giấy triệu tập, giấy báo cho bà S. Tuy nhiên, bà S không nộp văn bản ghi ý kiến của mình, không đến làm việc theo giấy triệu tập, thông báo, giấy báo của Tòa án. Do đó, Tòa án không lấy ý kiến của bà S liên quan đến yêu cầu của bà N được. Bà S không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo qui định của pháp luật nên phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ. Tòa án sẽ căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[4] Theo giấy ghi việc hốt hụi ngày 21/6/2025 âm lịch có chữ ký, chữ viết của bà S và theo lời khai của bà N cùng những người tham gia chơi hụi, xác định bà S tham gia chơi một chân hụi trong dây hụi do bà N làm chủ và hốt hụi số tiền 90.000.000 đồng vào ngày 15/6/2025 âm lịch là đúng sự thật. Tại giấy ghi việc hốt hụi, thể hiện số tiền hốt hụi 84.000.000 đồng là phù hợp với lời khai của bà N về việc chịu tiền lãi 6.000.000 đồng. Tiền lãi đã tính theo lãi suất phù hợp với qui định của pháp luật. Bà S không có ý kiến đối với yêu cầu của bà N, không có tài liệu, chứng cứ để xác định số tiền hụi bà S đã đóng. Theo sự thừa nhận của bà N, xác định bà S đã đóng hụi vào tháng 5, 6 âm lịch và sau đó đóng hụi chết vào tháng 6 âm lịch nhuần, tháng 7 âm lịch với tổng số tiền 24.000.000 đồng. Bà S còn phải tiếp tục đóng hụi chết hàng tháng với tổng số tiền là 66.000.000 đồng. Bà S đã thỏa thuận hàng ngày đóng 200.000 đồng, tương đương 6.000.000 đồng/tháng là đúng với số tiền một chân hụi nhưng từ ngày 16/7/2025 âm lịch đến nay bà S không thực hiện nghĩa vụ đóng hụi là vi phạm nghĩa vụ của người tham gia chơi hụi. Bà N đã tự bỏ tiền để đóng hụi thay cho bà S cho đến khi kết thúc dây hụi, đảm bảo quyền lợi của các thành viên trong dây hụi, các thành viên khác không ai có ý kiến, yêu cầu gì. Bà N khởi kiện yêu cầu bà S thực hiện nghĩa vụ

trả tiền là có căn cứ, phù hợp với qui định của pháp luật. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà S phải trả cho bà N số tiền hụi còn nợ là 66.000.000 đồng.

[5] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí là 66.000.000 đồng x 5% = 3.300.000 đồng.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Gia Lai về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điều 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị N. Buộc bà Nguyễn Thị S phải trả cho bà Trương Thị N số tiền 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm và tiền tạm ứng án phí:

- Bà Nguyễn Thị S phải chịu 3.300.000 đồng (Ba triệu ba trăm nghìn đồng).

- Trả lại cho bà Trương Thị N tiền tạm ứng án phí 1.650.000 đồng (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) bà đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002775 ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 6 - Gia Lai;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hồng Hoàng